

ĐỀ CƯƠNG

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

I. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh.

“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”.

Phân tích:

1. *“một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam”.* **Nêu rõ bản chất Khoa học và Cách mạng cũng như nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.** Mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần vào công cuộc cách mạng chung trên Thế giới. Để đạt được mục tiêu đó, con đường phát triển của dân tộc VN là độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội.
⇒ Mục tiêu và con đường này đúng theo lý luận Mác – Lênin; khẳng định vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước cách mạng; xác định lực lượng cách mạng là toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước, xây dựng con người Việt Nam có năng lực và phẩm chất đạo đức cách mạng; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trên cơ sở quan hệ quốc tế hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển; với phương pháp cách mạng phù hợp.
2. *“kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”.* **Cơ sở hình thành** Tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác – Lênin đây là giá trị cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng HCM; đồng thời Tư tưởng Hồ Chí Minh còn bắt nguồn từ việc Hồ Chí Minh tiếp thu các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa của nhân loại.
3. *“là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”.* **Ý nghĩa Tư tưởng Hồ Chí Minh.** Khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, là ngọn đuốc mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là bộ phận cấu tạo nên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

II. Ý nghĩa.

1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận.

- Góp phần trang bị cho sinh viên trí thức khoa học về hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam.
- Hình thành năng lực, phương pháp làm việc, niềm tin, tình cảm cách mạng.
- Góp phần củng cố cho sinh viên về lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.
- Góp phần bồi đắp năng lực lý luận nhằm chỉ dẫn hành động để trở thành một công dân có ích cho xã hội.

2. Giáo dục và định hướng thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với chao rời tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước.

- Người học có điều kiện hiểu biết sâu sắc và toàn diện về cuộc đời và sự nghiệp của HỒ CHÍ MINH, lãnh tụ của Đảng, người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam, một chiến sĩ kiên cường đấu tranh vì độc lập, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và tiến bộ giữa các dân tộc trên Thế giới.
- Thông qua việc nghiên cứu mấy môn học Tư tưởng HỒ CHÍ MINH, sinh viên sẽ nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định ý thức và trách nhiệm công dân, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện bản thân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HỒ CHÍ MINH, ra sức học tập và phấn đấu đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng mà HỒ CHÍ MINH và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

- Qua nghiên cứu môn học tư tưởng HỒ CHÍ MINH, người học có điều kiện vận dụng tốt hơn những kiến thức và kỹ năng đã nghiên cứu, học tập vào việc xây dựng phương pháp học tập, tu dưỡng, rèn luyện phù hợp với điều kiện cụ thể của bản thân.
- Tư tưởng HỒ CHÍ MINH góp phần tích cực trong việc giáo dục thế hệ trẻ tiếp tục hình thành và hoàn thiện nhân cách, trở thành những chiến sĩ tiên phong trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần làm cho đất nước ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như khát vọng của Hồ Chí Minh và của mỗi người Việt Nam yêu nước.

Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Cơ sở thực tiễn.

a) Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX.

- Từ năm 1858, Thực dân Pháp bắt đầu tiến hành xâm lược Việt Nam. Triều đình nhà Nguyễn lần lượt ký các hiệp ước đầu hàng.
- Nhân dân ta với tấm lòng yêu nước, không chịu khuất phục làm nô lệ cho Pháp, khắp Bắc – Trung – Nam đều dấy lên các phong trào đấu tranh chống lại thực dân Pháp, Quân Pháp luôn phải đối mặt với những “trung tâm kháng chiến ở khắp mọi nơi, chia nhỏ ra vô cùng, hầu như có bao nhiêu người An Nam thì có bấy nhiêu trung tâm kháng chiến”.
- Các cuộc khởi nghĩa vũ trang dưới ngọn cờ “Cần Vương” do các sĩ phu, văn thân lãnh đạo cuối cùng đều thất bại. Điều đó chứng tỏ tư tưởng phong kiến tỏ ra lỗi thời, không đáp ứng được trước nhiệm vụ lịch sử.
- Sau khi hoàn thành căn bản việc bình định Việt Nam, TDP bắt tay vào việc khai thác thuộc địa.
 - Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến.
 - Xã hội thay đổi dẫn đến các yếu tố trong xã hội cũng thay đổi, đó là sự biến đổi về cơ cấu các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.
 - Giai cấp địa chủ cũ được bổ sung, củng cố, tăng cường thêm các địa chủ người Pháp và người nước ngoài.
 - Bên cạnh tầng lớp thợ thủ công, tiểu thương đã có trong xã hội Việt Nam thì xuất hiện thêm những giai tầng mới: Giai cấp công nhân³, giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản thành thị.
 - Hình thành các mâu thuẫn mới bên cạnh mâu thuẫn cũ cơ bản trong xã hội pk là giữa nông dân với địa chủ phong kiến, là sự xuất hiện mâu thuẫn giữa công nhân Việt Nam với giai cấp tư sản (Tư sản Pháp và bọn tư sản mại bản⁴), mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.
- Cùng với việc biến đổi trên, đến đầu thế kỷ XX một số giai cấp, tầng lớp chịu ảnh hưởng của các cuộc vận động cải cách như cách mạng dân chủ tư sản ở Trung Quốc hay Duy Tân ở Nhật Bản cũng có các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản dẫn dắt bởi các nhà sĩ phu yêu nước. (Phong trào Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng (1905-1909), Phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh (1906-1908), Phong trào Đông Kinh nghĩa thực của Lương Văn Can, Nguyễn Quyền và một số nhân sĩ khác (tháng 3 đến tháng 11/1907).
- Tiếp nối sau đó là các cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc tiêu biểu là các hoạt động của Nguyễn Thái Học và những đồng đội của ông trong Việt Nam Quốc dân Đảng.

- ⇒ Tuy nhiên các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đều thất bại, đặc biệt sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái đã đánh dấu **sự thất bại hoàn toàn của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản cùng với sự lãnh đạo của giai cấp tư sản với cách mạng Việt Nam.**
- ⇒ Cũng với các cuộc đấu tranh trước đó, phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã tiếp nối truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam, cổ vũ thêm tinh thần yêu nước cho nhân dân. Tuy nhiên ta cũng cần nhìn vào thất bại, với nguyên nhân sâu xa là giai cấp tư sản còn non yếu, nguyên nhân trực tiếp là các tổ chức và người lãnh đạo của các phong trào chưa có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn.
- ⇒ Song, cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước diễn ra sâu sắc. Đặt ra cho thực tiễn câu hỏi “Cứu nước bằng con đường nào để có thể đi đến thắng lợi”.
- Trong bối cảnh đó, sự ra đời của giai cấp công nhân và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam đã làm cho cuộc đấu tranh xuất hiện dấu hiệu mới của một thời đại mới.
 - Cuối thế kỷ XIX, ở Việt Nam những người công nhân đã xuất hiện, nhưng số lượng ít, không ổn định.
 - Cho đến đầu thế kỷ XX, công nhân Việt Nam có sự phát triển tăng về số lượng. Họ đã nhanh chóng trở thành một giai cấp trước chiến tranh WW1.
 - Công nhân Việt Nam phải chịu 3 tầng áp bức: thực dân, phong kiến, tư bản.
 - Sau WW1, giai cấp công nhân Việt Nam tăng về cả số lượng và cả chất lượng. Tuy vẫn còn lẻ tẻ nhưng họ đã dần có ý thức giai cấp hơn, đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp mình hơn.
 - Đặc biệt là Cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son (8/1925) tại cảng Sài Gòn đã thể hiện sự thay đổi lớn trong giai cấp công nhân Việt Nam. Qua sự kiện đó đã thể hiện tinh thần đoàn kết với phong trào công nhân quốc tế, từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác và hơn cả là mục tiêu đấu tranh đã rõ ràng hơn, nhằm vào mục tiêu chính trị.
 - Họ đấu tranh từ những hình thức đơn sơ nhất như đốt lán trại, bỏ trốn đến hình thức đình công, bãi công.
 - Phong trào yêu nước và phong trào công nhân đầu thế kỷ XX đã tạo điều kiện thuận lợi giúp CN Mác – Lênin xâm nhập vào Việt Nam. Và Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là người có công lớn đưa CN Mác – Lênin và truyền bá CN Mác – Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam. Người cũng đưa ra kết luận: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là Chủ nghĩa Lê-nin”
- ⇒ **Chuẩn bị về lý luận chính trị tư tưởng và tổ chức sáng lập ĐCS Việt Nam => qua đó chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam => đánh dấu bước hình thành cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.**
- Sau đó, chính thực tiễn Đảng lãnh đạo CMT8 thành công, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, lãnh đạo đất nước vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa

kháng chiến chống Mỹ cứu nước là nhân tố góp phần bổ sung phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trên tất cả các phương diện.

b) Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX

- Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản trên thế giới phát triển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc.
 - Sự xuất hiện các nước đế quốc: Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Mỹ, Nhật, v.v.
 - Các nước đế quốc chi phối toàn bộ tình thế giới, tiến hành hàng loạt các cuộc xâm lược thuộc địa ở Á, Phi và Mỹ Lantinh. Biến các vùng đất đó thành thuộc địa và phụ thuộc vào đế quốc.
- Với tình hình như vậy đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn vốn có trong lòng CNTB, đó là mâu thuẫn giữa giai cấp TS với giai cấp VS ở trong các nước tư bản; mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau (do xung đột về lợi ích, tầm ảnh hưởng); mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc.
 - Đầu thế kỷ XX, những mâu thuẫn này càng ngày càng phát triển và trở nên gay gắt hơn bao giờ hết => Các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh giành độc lập, việc đó không chỉ cho riêng họ mà còn là mong muốn chung của giai cấp VS quốc tế => Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển.
- CMT 10 Nga (1917) thành công là thắng lợi đầu tiên của CN Mác – Lênin, là minh chứng thực tiễn cho những lý luận của CN Mác – Lênin.
 - CMT 10 Nga đã đánh đổ giai cấp tư sản và địa chủ phong kiến, lập nên một xã hội mới – xã hội ấy chính là XHCN.
 - CMT 10 Nga đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người – thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên toàn thế giới, mở ra con đường giải phóng các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Chủ tịch HCM viết “Giống như mặt trời chói lọi. Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế”.
- 2/3/1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập. Là Bộ Tham mưu, lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới, ngoài ra Quốc tế Cộng sản mở các trường đào tạo cán bộ cách mạng cho các nước trên thế giới. (Như Trường Đại học Lao động Cộng sản Phương Đông,
 - Dưới sự lãnh đạo của Lênin, Quốc tế Cộng sản đẩy mạnh truyền bá CN Mác – Lênin và kinh nghiệm CMT 10 Nga ra khắp thế giới => Thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các Đảng Cộng sản ở nhiều nước.
- CMT 10 Nga thắng lợi cùng sự ra đời Nhà nước Xô viết, Quốc tế Cộng sản và thực tiễn xây dựng chế độ CNXH ở Liên Xô cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các phong trào cộng sản, công nhân và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã ảnh hưởng sâu sắc đến HCM trên hành trình tìm ra con đường cứu nước.

2. Cơ sở lý luận.

a) Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

- Yêu nước

- CN yêu nước là giá trị xuyên suốt của lịch sử Việt Nam. Là động lực, sức mạnh giúp cho dân tộc Việt Nam tồn tại và việc qua mọi khó khăn trong quá trình dựng nước và giữ nước mà phát triển.
- Là nền tảng tư tưởng, điểm xuất phát và động lực thúc đẩy Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước và tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin con đường cứu nước.

- Đoàn kết

- Đoàn kết là một truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam gắn với văn hóa lúa nước.
- Truyền thống đoàn kết còn được thể hiện khi nhân dân ta phải đương đầu chống lại thiên tai, và đặc biệt truyền thống ấy càng được dâng cao trong lòng mỗi một người con đất Việt khi có kẻ xâm phạm bờ cõi nước ta.
- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định thành công của cách mạng; dân là gốc của nước; nước lấy dân làm gốc; gốc có vững cây mới bền; xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân; đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế là một nguyên tắc chiến lược quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Nhân nghĩa, thủy chung

- Nhân nghĩa: Lòng yêu thương con người.
 - Người yêu thương đồng bào mình đang chịu cảnh nước mất nhà tan, sống trong kiếp của người nô lệ vì vậy người quyết định ra đi tìm đường cứu nước.
 - Yêu thương con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh không có sự phân biệt quốc tịch, màu da, châu lục, dù là người da vàng, da đen hay da trắng nếu là nhân dân lao động, những người bị áp bức, bị bóc lột thì Bác vẫn luôn dành tình cảm yêu thương. Bởi theo Người, họ là những người bạn “cùng khổ”, đều là “anh em”.
- Thủy chung: Người thủy chung với con đường cứu nước, quyết một lòng đi theo con đường cách mạng vô sản để đi đến thắng lợi cuối cùng.

- **Cần cù, chịu khó:** Trong 30 năm bôn ba ở nước ngoài, Hồ Chí Minh đã trải qua biết bao nhiêu công việc, đầu tiên Người lấy cái tên Văn Ba xin làm phụ bếp trên một tàu Pháp để sang Pháp, rồi để có tiền sinh hoạt những năm bôn ba người còn làm thêm các công việc như làm vườn, thủy thủ, bồi bàn, đốt lò, cào tuyết... Cuộc sống cần lao đã rèn luyện Người trở thành một người lao động có đầy đủ phẩm chất, tâm lý, tình cảm của giai cấp vô sản.

- Lạc quan

- Qua lời đối thoại giữa Bác với một người bạn trước lúc ra đi tìm đường cứu nước: “Khi người bạn hỏi lấy đâu ra tiền mà đi, Bác vừa nói vừa giơ hai bàn tay: Đây, tiền đây... chúng ta sẽ làm việc, chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi”.

- Khi bị tù đày, giam cầm ở Quảng Tây (Trung Quốc) ta thấy Người vẫn toát lên tinh thần lạc quan, điều đó được thể hiện rõ trong tập thơ “Nhật ký trong tù”.
- Hay trong những ngày gian lao, khi Người về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Tại Pác Bó (Cao Bằng) người sáng tác bài thơ Tức cảnh Pác Bó

“Sáng ra bờ suối, tôi vào hang,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang”.

- Sáng tạo

- Người ra đi tìm đường cứu nước theo cách riêng của Người.
- Người tìm thấy con đường cứu nước trong CN Mác – Lênin, nhưng người không làm theo một cách máy móc, giáo điều. Mà người vận dụng một cách sáng tạo để phù hợp với tình hình Việt Nam. Người đề ra phương hướng giải quyết nhiệm vụ dân tộc trước, giai cấp sau; về tập hợp lực lượng là toàn bộ những người yêu nước để làm cách mạng.

- Hiếu học:

- Trong những năm tháng bôn ba hải ngoại, khi làm bồi bếp trên tàu biển, khi thì đốt lò, quét tuyết trong mùa đông băng giá ở nước Anh, khi thì bán báo, làm thợ ảnh, vẽ đồ cổ ở nước Pháp... Bác đều tranh thủ để tự học.
- Cần học chữ nào Bác viết lên cánh tay, vừa đi vừa xem, vừa làm vừa học, đến cuối ngày chữ mờ dần cũng là lúc Bác nhớ được hết. Mặc dù công việc nặng nhọc, kéo dài suốt ngày, Bác vẫn tranh thủ tới thư viện đọc sách hoặc nghe những buổi nói chuyện để trau dồi kiến thức. Tới đến, Bác đi dự những cuộc mít tinh, làm quen với các nhà hoạt động chính trị, văn hóa, nghệ thuật để nâng cao trình độ hiểu biết của mình. Có thể nói, cuộc sống lao động vất vả ấy đã rèn cho Bác ý chí quyết tâm tự học một cách bền bỉ.
- Người học trong mọi hoàn cảnh, mọi lúc, mọi nơi. Đến khi Người mất, các đồng chí dọn giường nằm của Bác, vẫn thấy dưới gối cuốn từ điển Việt Nam - Tây Ban Nha - thứ tiếng mà Bác đã biết, đã học từ hồi còn trẻ ở châu Mỹ.

b) Tinh hoa văn hóa nhân loại

❖ Tinh hoa văn hóa phương Đông

- Nho giáo:
- Phật giáo:
- Đạo giáo:
- Học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn:

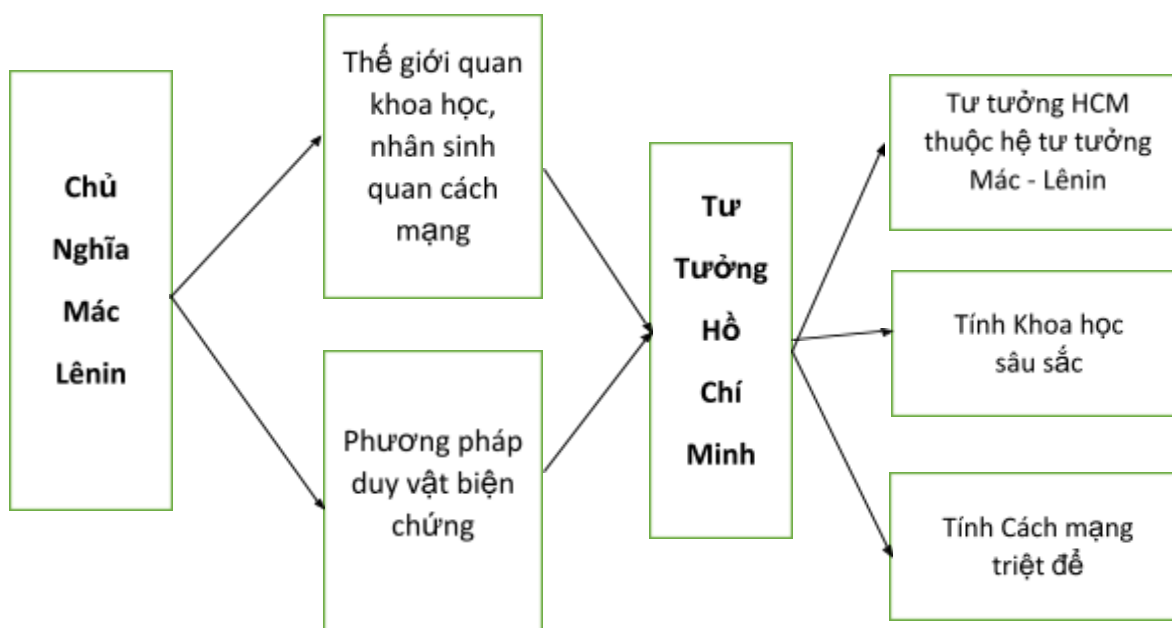
❖ Tinh hoa văn hóa phương Tây

- Khẩu hiệu “Tự do – Bình đẳng – Bác ái” của Đại Cách mạng Pháp 1789.
- Giá trị của 2 bản Tuyên ngôn độc lập Mỹ 1776 và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp 1791.

- Trong quá trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng của Người, Người đến nhiều cường quốc trên thế giới như Anh, Pháp, Mỹ, Nga... Người trực tiếp nghiên cứu các tư tưởng nhân văn, dân chủ và nhà nước pháp quyền ở các quốc gia đó.

c) Chủ nghĩa Mác – Lênin

- CMT 10 Nga và thời đại mới cũng như CN Mác – Lênin là cơ sở lý luận quyết định bước phát triển mới về chất trong tư tưởng HCM, khiến Người vượt hẳn lên phía trước so với những người yêu nước cùng thời.
- Ngay từ đầu những năm 20 của TK XX, HCM đã khẳng định “bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩ nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, HCM đã giải quyết được cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước và người lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam cuối Tk XIX – đầu Tk XX.



- Từ một người yêu nước, đến nhận thức ban đầu về CN Lênin, HCM đã dần tiến đến tới những nhận thức “lý tính”, trở lại nghiên cứu CN Mác sâu sắc hơn. Tuy nhiên, HCM tiếp thu và sử dụng những học thuyết đó có chọn lọc, không rập khuôn máy móc, không sao chép giáo điều. Người đã vận dụng một cách sáng tạo và phát triển CN Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.
- Như vậy, thế giới quan và phương pháp luận của CN Mác – Lênin đã giúp HCM nhìn nhận, đánh giá, phân tích, tổng kết các học thuyết, tư tưởng đương thời cũng như kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của mình để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

a) Phẩm chất Hồ Chí Minh

- Lý tưởng cao cả và hoài bão lớn cứu nước, cứu dân

- Câu chuyện Bác ra đi cứu nước
 - ⇒ 2 bàn tay trắng => Nghị lực to lớn, dám nghĩ dám làm.
 - ⇒ Người đến nhiều quốc gia, các quốc gia giàu có cũng như các dân tộc thuộc địa nghèo nàn, lạc hậu.
 - ✓ Người hiểu được cuộc sống của những kẻ bóc lột và những người bị bóc lột: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có 2 giống người là giống người bóc lột và giống người bị bóc lột”.
 - ✓ Người biết nhiều thứ ngoại ngữ, ham học hỏi, tự học.
 - ✓ Người có vốn hiểu biết sâu rộng văn hóa Đông Tây kim cổ để vận dụng vào cách mạng

- Bản lĩnh tư duy độc lập, sáng tạo, tự chủ, sáng tạo

- Với Hồ Chí Minh, độc lập là không phụ thuộc, không bắt chước, không theo đuôi, giáo điều, tránh lối cũ, đường mòn và tự mình phải luôn tìm tòi, suy nghĩ. Tự chủ là tự mình làm chủ suy nghĩ, làm chủ bản thân và công việc của mình, tự mình thấy trách nhiệm trước đất nước và dân tộc. Sáng tạo là vận dụng đúng quy luật chung cho phù hợp với cái riêng, cái đặc thù; sẵn sàng từ bỏ những cái cũ, lạc hậu, tìm tòi, đề xuất những cái mới để có thể trả lời được những đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống đặt ra. Nhờ tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra quy luật của cách mạng Việt Nam, phù hợp với quy luật phát triển chung của nhân loại.
 - ✓ Người không đồng ý với các bậc tiền bối đi trước.
 - ✓ Trong Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt: Nhiệm vụ và lực lượng.

- Một con người có tầm nhìn chiến lược, bao quát thời đại

- Trong bài thơ “Lịch sử nước ta”, trong phần chú thích Người đã tiên đoán “1945 Việt Nam độc lập”.
- Cuối năm 1967, trong buổi làm việc với đồng chí Phùng Thế Tài, Tư lệnh PK-KQ, Bác đã nói lời tiên tri: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B-52 ra đánh Hà Nội rồi có thua nó mới chịu thua”. Sự thật năm 1972 Mỹ đã ném bom trên bầu trời Hà Nội, và rằng Mỹ đã thua trên bầu trời Hà Nội với quyết định ký vào Hiệp định Pari năm 1973.
 - ⇒ Với tầm nhìn thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm sáng rõ con đường cách mạng Việt Nam, soi đường, chỉ lối cho Đảng và dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

b) Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận

- Hồ Chí Minh là người có vốn sống và thực tiễn cách mạng phong phú, phi thường. Trước khi trở thành Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã sống, chúng ta học tập và hoạt động cách mạng ở gần 30 nước trên thế giới. Người hiểu sâu sắc chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và chế độ thực dân không chỉ qua tìm hiểu tài liệu, sách, báo mà còn hiểu biết sâu sắc về chúng quang cuộc sống và hoạt động thực tiễn tại các đế quốc.
- Người đặc biệt xác định rõ bản chất, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, thực dân; thấu hiểu tình cảnh người dân ở nhiều nước thuộc hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.
- Người thấu hiểu về phong trào giải phóng dân tộc, về xây dựng chủ nghĩa xã hội, về xây dựng ĐCS... không chỉ qua nghiên cứu lý luận mà còn qua việc tham gia sáng lập ĐCS Pháp, qua hoạt động ở Trung Quốc,....
- Hồ Chí Minh là nhà tổ chức vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Người đã hiện thực hóa tư tưởng, lý luận cách mạng thành hiện thực sinh động; đồng thời tổng kết thực tiễn cách mạng, bổ sung, phát triển lý luận, tư tưởng cách mạng. Người sáng lập ĐCS Pháp, đến năm 1924, Người về Trung Quốc đã chuẩn bị các công tác lý luận, tuyên truyền, tổ chức và bồi dưỡng cán bộ, tạo cơ sở cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, tạo điều kiện cho việc trở về nước để lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Năm 1925, Người lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên; chuẩn bị nhiều mặt cho sự ra đời của ĐCS VN. Người sáng lập ra Mặt trận dân tộc thống nhất, sáng lập Quân đội Nhân dân Việt Nam; khai sinh ra nước VNDCCH.

⇒ *Những phẩm chất cá nhân cùng những hoạt động thực tiễn phong phú trên nhiều lĩnh vực khác nhau ở trong nước và trên thế giới là nhân tố chủ quan hình thành nên Tư tưởng HCM.*

II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm đường cứu nước mới

- Ảnh hưởng của gia đình.
- Chứng kiến nước mất nhà tan.
- Khủng hoảng đường lối cứu nước.
- 1911 ra đi tìm đường cứu nước.

2. Thời kỳ 1911-1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

- Làm nhiều nghề.
- Tiếp xúc nhiều thành phần xã hội.
- Học hỏi các cuộc cách mạng và văn hóa thế giới.
- 1919, gửi bản Yêu sách...
- 1920 đọc Sơ thảo của Lênin
- 1920 tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp

3. Thời kỳ 1920-1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

- Viết nhiều bài tố cáo chủ nghĩa thực dân, chỉ ra con đường cách mạng vô sản.
- Hoạt động ở nhiều nơi: Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan.
- Một số nội dung tư tưởng cách mạng căn bản: Chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung, cách mạng phải là cách mạng vô sản, cách mạng thuộc địa có khả năng chiến thắng trước chính quốc, cách mạng thuộc địa cần huy động tất cả mọi thành phần xã hội...
- Thành lập Hội VN Cách mạng thanh niên.
- 1930 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Thời kỳ 1930-1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo

- Hội nghị tháng 10 năm 1930 thủ tiêu Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt.
- Nửa cuối thập kỷ 30 thực tiễn đã chứng minh tư tưởng NAQ là đúng đắn.
- Tháng 2 năm 1941 về nước tham gia chỉ đạo cách mạng.

5. Thời kỳ 1941-1945: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta

- 1945 Cách mạng tháng Tám thành công chứng minh tính đúng đắn trong chỉ đạo của HCM.
- Xây dựng đất nước chống thù trong, giặc ngoài.
- Chỉ đạo cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.
- 1954 chiến thắng Điện Biên Phủ.
- 1954-1969 chỉ đạo xây dựng miền Bắc và cách mạng miền Nam.
- 1969 Bác mất.

Chương 3. Tư tưởng HCM về cách mạng dân tộc và Chủ nghĩa xã hội

I. Tư tưởng HCM về cách mạng giải phóng dân tộc

1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

- Khi TDP tấn công Việt Nam, với truyền thống tốt đẹp trong mỗi con người Việt Nam là tinh thần yêu nước, truyền thống đánh giặc ngoại xâm. Thì khắp nơi trên Việt Nam đều đứng lên khởi nghĩa chống bọn TDP.
 - Phong trào Cần Vương (phân tích) bên cạnh đó còn Khởi nghĩa nông dân Yên Thế.
 - ⇒ Thất bại
 - ⇒ Cổ vũ tinh thần cho nhân dân ta, củng cố lòng yêu nước, để lại cho ta nhiều bài học.
 - ⇒ Chứng tỏ con đường cứu nước theo tư tưởng phong kiến không đáp ứng được nhiệm vụ giải phóng dân tộc do lịch sử đặt ra.
 - Sang đầu Tk XX, với sự thắng lợi của Cách mạng Tân Hợi ở TQ và Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản ít nhiều đã ảnh hưởng đến các phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
 - ⇒ Phân tích 2 con đường của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.
 - ⇒ Thất bại
 - ⇒ Cổ vũ tinh thần cho nhân dân ta, củng cố lòng yêu nước, để lại cho ta nhiều bài học.
 - ⇒ Chứng tỏ con đường cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản cũng đã không đáp ứng được nhiệm vụ giải phóng dân tộc do lịch sử đặt ra.
 - ⇒ Với sự thất bại các phong trào yêu từ cuối Tk XIX – đầu Tk XX, đã thể hiện sự khủng hoảng về đường lối cách mạng, về lực lượng lãnh đạo.
- Trong suốt 30 năm hoạt động, Người đến nhiều quốc gia trên thế giới cả các cường quốc cũng như các nước thuộc địa. Người cũng nghiên cứu, tìm hiểu về các cuộc cách mạng ở các quốc gia đó.
 - Người nghiên cứu về 2 cuộc cách mạng của Mỹ và Pháp, đây là hai cuộc cách mạng tư sản lớn trên thế giới và đã thành công, nhưng HCM không đi theo vì Người đã nhìn thấy, hai cuộc cách mạng của Mỹ và Pháp tuy thành công nhưng **“cách mệnh không đến nơi”** vì một bộ phận lớn người dân là công nhân, nông dân và những người dân lao động vẫn bị một bộ phận nhỏ là giai cấp tư sản bóc lột.
 - Khi Người nghiên cứu về Cách mạng Tháng Mười Nga, HCM nhận thấy đó là một cuộc cách mạng giai cấp, đồng thời cũng là cm gp dt. Người viết: **“Cách mạng Tháng Mười Nga như tiếng sét đánh thức nhân dân châu Á tỉnh giấc mê hàng thế kỷ nay. Cách mạng Tháng Mười đã mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”**. Người thấy **“chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi”**, vì cách mạng ở Nga đã

làm cho những người dân lao động **“được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật”**.

- Khi đang hoạt động ở Pháp, Người đã đọc được Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa lần thứ nhất của Lênin, HCM đã khẳng định **“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”**. Từ đó, Người đã có sự lựa chọn “tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lênin”.
- ⇒ Việc HCM lựa chọn Cm VN theo con đường Cm vô sản, là cả một quá trình phấn đấu, suy nghĩ về vận mệnh của đất nước; rút kinh nghiệm, học tập các phong trào, các cuộc cách mạng cả trong nước và thế giới; từ những kiến thức lý luận đến những hoạt động thực tiễn. Với những thắng lợi của CMT 8 đến thắng lợi của hai cuộc kháng chiến đã chứng minh việc Chủ tịch HCM chọn con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam theo Cm vô sản là hoàn toàn đúng đắn, đáp ứng được đòi hỏi của lịch sử.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của VN, muốn thắng lợi phải có ĐCS lãnh đạo

- Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và rất chú trọng đến việc thành lập ĐCS, khẳng định vai trò to lớn của Đảng đối với cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.
- Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Người đã đặt vấn đề **“cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững thì cách mệnh mới thành công”**.
- Trong hoàn cảnh Việt Nam là một nước thuộc địa – phong kiến, HCM cho rằng, ĐCS vừa là đội tiên phong của giai cấp công nhân vừa là đội tiên phong của nhân dân lao động, kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc. Đó là Đảng của cả dân tộc Việt Nam. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng (1951), Người viết: **“Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là đảng của dân tộc Việt Nam”**
- Đây là một luận điểm quan trọng của Hồ Chí Minh có ý nghĩa bổ sung, phát triển lý luận mácxít về đảng cộng sản.

3. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng

- Các nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định rằng: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử. Lênin viết **“không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình, tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”**.
- Kế thừa tư tưởng của các nhà lý luận nói trên, HCM quan niệm: có dân là có tất cả, trên đời này không gì quý bằng dân, được lòng dân thì được tất cả, mất lòng dân là mất tất cả.

Người khẳng định: **“cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”**.

- Trong Sách lược vắn tắt của Đảng, HCM đã xác định lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân, ngoài lực lượng chính là công – nông thì Đảng phải tập hợp được tiểu tư sản, trí thức, trung nông lôi kéo họ về phía giai cấp vô sản, còn với phú nông, tiểu địa chủ và tư sản dân tộc thì phải lợi dụng không ít ra phải làm họ trung lập.
- Thời kỳ Kháng chiến chống Pháp, CT. HCM trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Người viết **“Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”**.
- Trong khi xác định được nữa cách mạng là toàn dân, HCM lưu ý rằng “công nông là người chủ cách mệnh ... là gốc cách mệnh”. Vì đây là lực lượng đông đảo nhất, có ý chí cách mạng nhất, đấu tranh bền bỉ nhất.

4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

- Do chưa đánh giá hết tiềm lực có khả năng to lớn của cách mạng thuộc địa nên Quốc tế Cộng sản còn lúc Xem nhẹ vai trò của cách mạng thuộc địa, cho rằng cách mạng thuộc địa phải phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Quan điểm này làm giảm đi tính chủ động, sáng tạo của nhân dân các nước thuộc địa trong công cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc.
- Quán triệt tư tưởng của Lênin về mối quan hệ chặt chẽ sự cách mạng vô sản ở chính quốc và với phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa, từ rất sớm HCM chỉ rõ mối quan hệ khăng khít, tác động qua lại lẫn nhau giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc - mối quan hệ bình đẳng, không lệ thuộc, phụ thuộc vào nhau. Năm 1924, tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Người nói **“Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”**.
- Là một người dân thuộc địa, một người cộng sản và là một người nghiên cứu rất kỹ về chủ nghĩa đế quốc, HCM cho rằng: *cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước*. Luận điểm sáng tạo trên của HCM dựa trên các cơ sở sau:
 - Thuộc địa có một vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt với chủ nghĩa đế quốc, là nơi duy trì sự tồn tại, phát triển, là món mồi “béo bở”.
 - Tinh thần đấu tranh ở các nước thuộc địa có phần hơn ở các nước chính quốc
 - VD: CMT 8 ở VN đã chứng minh luận điểm trên của HCM là độc đáo, sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn.

5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

- Mác đã từng viết **“Bạo lực là bà đỡ của một chế độ xã hội cũ đang thai nghén một chế độ mới”**. Trên cơ sở tiếp thu quan điểm Mác và Ăngghen, với kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga và cách mạng trên thế giới, Lênin khẳng định tính tất yếu của bạo lực cách mạng, làm sáng tỏ hơn vấn đề bạo lực cách mạng trong học thuyết về cách mạng vô sản: *không có bạo lực cách mạng thì không thể thay thế nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được*.
- Dựa trên cơ sở quan điểm về bạo lực cách mạng của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin, HCM đã vận dụng sáng tạo phù hợp vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng, HCM đã thấy rõ sự cần thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng. Người viết **“Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”**.
- Sau khi xâm chiếm các nước thuộc địa, bọn thực dân, đế quốc đã thực hiện chế độ cai trị vô cùng tàn bạo: dùng bạo lực để đàn áp dã man các phong trào yêu nước, thủ tiêu mọi quyền tự do, rất chủ của nhân dân, bóc lột và đẩy người dân thuộc địa vào bước đường cùng. Vì vậy, muốn đánh đổ thực dân phong kiến giành độc lập dân tộc thì tất yếu phải sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng.
- Về hình thức bạo lực cách mạng, theo HCM, bạo lực cách mạng ở đây là bạo lực của quần chúng, được thực hiện với 2 lực lượng chính trị và quân sự, 2 hình thức đấu tranh: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; chính trị và đấu tranh chính trị của quần chúng là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang; đấu tranh vũ trang của ý nghĩa quyết định đối với việc tiêu diệt lực lượng quân sự và âm mưu thôn tính của thực dân đế quốc, đi đến kết thúc chiến tranh. Việc xác định hình thức đấu tranh thì căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà áp dụng cho thích hợp. Trong CMT 8, với hình thức tổng khởi nghĩa của quần chúng nhân dân trong cả nước, chủ yếu dựa vào lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng vũ trang, nhân dân ta thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ

a) Tính chất thời kỳ quá độ

- Đây là thời kỳ cải biến sâu sắc nhất những phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ.
- Theo HCM, thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN là thời kỳ cải biến XH cũ thành XH mới - một XH chưa từng có trong cái sử dân tộc ta. Thời kỳ dân tộc ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩa và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm; phải xóa bỏ giai cấp bóc lột; phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc trong điều kiện nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến nên nó là công cuộc biến đổi sâu sắc nhất, khó khăn nhất, thậm chí còn khó khăn, phức tạp hơn cả việc đánh giặc. Vì vậy, tiến lên CNXH không thể một sớm một chiều, không thể làm mau được mà phải làm dần dần.

b) Đặc điểm thời kỳ quá độ

- Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.
- Bước vào thời kỳ quá độ, ở Việt Nam cũng có những đặc điểm giống như đặc điểm của các nước khác khi bước vào thời kỳ này sự tồn tại đan xen các yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những yếu tố của xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống; là giai đoạn đầu, khi các yếu tố của xã hội cũ còn cụm lại thành một thế lực thì có khi nó còn chiến thắng những yếu tố của xã hội mới vừa xuất hiện, v.v., song, từ thực tế của xã hội Việt Nam, HCM nhận thấy **“đặc điểm to lớn nhất của ta trong thời kỳ này đạt từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”**. Cùng với những đặc điểm khác và mục tiêu của CNXH, đặc điểm này quy định nhiệm vụ của dân tộc ta trong thời kỳ quá độ.

c) Nhiệm vụ thời kỳ quá độ

- Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ: Đấu tranh cải tạo, xoá bỏ tàn tích của chế độ xã cũ, xây dựng các yếu tố mới phù hợp với qui nội tiến lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, trong đó:

Về chính trị, phải xây dựng được chế độ dân chủ vì đây là bản chất của CNXH. Muốn xây dựng được chế độ dân chủ, theo HCM, phải chống tất cả các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, trước hết ở trong Đảng, trong bộ máy chính quyền từ cấp cơ sở đến TW đồng thời bồi dưỡng, giáo dục để cá nhân có tri thức, có năng lực làm chủ chế độ xã hội.

Về kinh tế, trong bối cảnh nền kinh tế của nước ta còn nghèo nàn, kỹ thuật lạc hậu, HCM xác định nhiệm vụ quan trọng nhất của thời kỳ quá độ là phải cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại. Đây là quá trình xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của CNXH. Giữa cải tạo và xây dựng thì xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài và phải luôn gắn liền với thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Về văn hóa, phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng lâu dài của văn hóa đế quốc, đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ trên thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

Về các quan hệ xã hội, phải thay đổi triệt để những quan hệ cũ đã trở thành thói quen trong lối sống, nếp sống của con người; xây dựng được một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và đảm bảo cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, với lợi ích chung của tập thể.

2. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

Xác định xây dựng CNXH là quá trình sâu sắc nhưng phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ, đòi hỏi tính năng động, sáng tạo, song, theo HCM, chắc tính năng động, sáng tạo ấy phải tuân thủ theo nhiều nguyên tắc, đó là:

Thứ nhất, mọi tư tưởng, hành động phải được thực hiện trên nền tảng CN Mác – Lênin.

HCM quan niệm, chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bóc lột; là khoa học về sự thắng lợi của CNXH ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng CNCS nên theo Người, cuộc cách mạng mà giai cấp công nhân thực hiện chỉ có thể đạt được thành tựu trên cơ sở trung thành sắt đá với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lênin. Chính vì vậy Người luôn nhắc nhở, khuyến khích, động viên mọi người phải không ngừng **“học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác – Lênin”** phải **“cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi”**.

Thứ hai, phải giữ vững độc lập dân tộc.

Tự do cho đồng bào, độc lập cho Tổ quốc là mục đích của HCM khi ra đi tìm đường cứu nước. Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Người đã khẳng định **“Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”**. Ngay cả điều mong muốn cuối cùng của Người trong Di chúc cũng là đất nước **“thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”** vì trong tư tưởng của Người, đối với một dân tộc thì **“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”**. Độc lập dân tộc là mục tiêu trước hết của mỗi dân tộc; còn đặt trong mối quan hệ với CNXH thì độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc trường tồn với đầy đủ ý nghĩa chân chính của nó.

Thứ ba, phải đoàn kết, học tập kinh nghiệm của các nước anh em.

Xác định **“Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của lực lượng hòa bình dân chủ, xã hội chủ nghĩa trên thế giới”**, HCM quan niệm **“sự đoàn kết giữa lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa và sự đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản và công nhân tất cả các nước có ý nghĩa quan trọng bậc nhất”**. Trong sự đoàn kết này, cách mạng Việt Nam phải học tập kinh nghiệm của các nước anh em song không được áp đặt những kinh nghiệm ấy một cách máy móc mà phải vận dụng nó một cách sáng tạo. Mặc dù đánh giá rất cao thành tựu xây dựng CNXH ở Liên Xô, song HCM khẳng định **“Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”**.

Thứ tư, xây phải đi đôi với chống.

Theo HCM, muốn đạt được và giữ được thành quả của cách mạng thì cùng với việc xây dựng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội phải chống lại mọi hình thức của các thế lực cản trở, phá hoại sự phát triển của cách mạng.

Người căn dặn **“Đối với kẻ địch, người cộng sản phải luôn tỉnh táo, giữ vững lập trường, quyết không được vì hoàn cảnh hòa bình mà mất cảnh giác. Phải luôn sẵn sàng đập tan mọi âm mưu độc ác của kẻ địch, bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ lao động hòa bình của nhân dân”**. Phải chống lại “căn bệnh”: **“Nghe những lời bình luận không đúng, cũng làm tỉnh, không biện bác... Ai nói sao, ai làm gì cũng mặc kệ”**. Đối với tàn dư của xã hội cũ **“phải thay đổi triệt để những nếp sống thói quen ý nghĩa và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm”**. Đối với mỗi người, phải đánh thắng kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân bởi chủ nghĩa cá nhân như một thứ vi trùng độc hại, sản sinh ra bị tham lam, bệnh kiêu ngạo, bệnh háo danh, bệnh vô tổ chức, vô kỷ luật v.v - những thứ bệnh không chỉ làm hại cho người đó mà còn làm hại đến nhân dân, đến tổ chức đảng.

Chương 4. Tư tưởng HCM về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Trong tác phẩm Đường cách mệnh (năm 1927), HCM khẳng định: Cách mạng *“Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”*.
- Khẳng định đảng cộng sản “như người cầm lái” cho con thuyền cách mạng là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của ĐCS VN trong suốt quá trình cách mạng, cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- ĐCS VN do HCM sáng lập và rèn luyện là một đảng chính trị tồn tại và phát triển theo những quan điểm của Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.
- Học thuyết Mác - Lênin cho rằng sự ra đời của ĐCS là *sản phẩm của sự kết hợp của chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân*.
- Đối với VN, HCM nhận định: sự ra đời của ĐCS Việt Nam là *kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước*.
 - Quan điểm của Hồ Chí Minh là hoàn toàn phù hợp với xã hội thuộc địa và phong kiến như Việt Nam, khi mọi giai cấp, tầng lớp, trừ tư sản mại bản và bọn đại địa chủ, đều có mâu thuẫn dân tộc. Đó là mâu thuẫn cơ bản giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với các thế lực đế quốc và tay sai.
 - Trong thực tế những phong trào đấu tranh của công nhân đã kết hợp được rất nhuần nhuyễn với phong trào yêu nước. Một số người Việt Nam yêu nước lúc đầu đi theo xu hướng dân chủ tư sản, nhưng qua thực tế, dưới sự ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã dần chuyển sang xu hướng cộng sản rõ nhất từ năm 1925 trở đi. Hàng loạt tổ chức yêu nước ra đời, trong đó tiêu biểu nhất là HVNCMTN do HCM lập ra. Đấu tranh giai cấp hòa quyện về đấu tranh dân tộc. Các phong trào đó tuy khác nhau về lực lượng, phương thức, khẩu hiệu đấu tranh nhưng cùng chung mục tiêu giành độc lập, tự do cho dân tộc. ĐCS VN ra đời năm 1930, Đảng đã được toàn dân tộc trao cho sứ mệnh lãnh đạo đất nước trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

a) Đảng là đạo đức, là văn minh

- Trong bài nói tại lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng (năm 1960), HCM cho rằng: *“Đảng ta là đạo đức, là văn minh”*. Hồ Chí Minh coi đạo đức là gốc, là nền tảng của

người cách mạng. Theo HCM, **đạo đức của Đảng thể hiện trên những quan điểm sau đây:**

Thứ nhất, mục đích hoạt động của Đảng là lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Đó là sự nghiệp cách mạng theo chủ nghĩa Mác – Lênin, làm cho dân tộc được độc lập, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc thật sự, đoàn kết hữu nghị với các dân tộc trên thế giới.

Thứ hai, Cương lĩnh, đường lối, chủ trương và mọi hoạt động thực tiễn của Đảng đều phải nhằm mục đích đó. Đảng phải luôn luôn trung thành với lợi ích toàn dân tộc vì Đảng không có lợi ích riêng; sự ra đời và phát triển của Đảng đều vì mục đích làm cho đất nước hùng cường đi lên chủ nghĩa xã hội, đưa lại quyền lợi cho dân.

Thứ ba, đội ngũ đảng viên phải luôn luôn thấm nhuần đạo đức cách mạng, ra sức tu dưỡng, rèn luyện, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của dân, của nước. Do vậy, một trong những biểu hiện rõ nhất của HCM về rèn luyện ĐCS VN để cho Đảng trở thành Đảng của đạo đức, của văn minh là Người “rèn” đạo đức cán bộ, đảng viên. HCM nhấn mạnh, đảng viên càng phải là những người có lòng nhân ái, **“phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”**; trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân; có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính và luôn luôn Chí công vô tư; có tinh thần quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: **“Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”**.

- **Xây dựng ĐCS VN thành một Đảng văn minh.** Điều này thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, là một Đảng tiêu biểu cho lương tâm, trí tuệ và danh dự của dân tộc.

Thứ hai, Đảng ra đời là một tất yếu, phù hợp với quy luật văn minh tiến bộ của dân tộc và của nhân loại. Mọi hoạt động của Đảng đều xuất phát từ yêu cầu phát triển của dân tộc, lấy lợi ích tối cao của dân tộc làm trọng, mọi lợi ích giai cấp đều phải đặt dưới sự phát triển của dân tộc; mọi hoạt động của Đảng đều phải phù hợp với quy luật vận động của xã hội Việt Nam.

Thứ ba, Đảng phải luôn luôn trong sạch, vững mạnh, làm tròn sứ mệnh lịch sử do nhân dân, dân tộc giao phó là lãnh đạo giành độc lập cho Tổ quốc và đưa lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Trong giai đoạn Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh càng chú trọng hơn việc phòng và chống các tiêu cực trong Đảng.

Thứ tư, xây dựng Đảng văn minh còn thể hiện trong giai đoạn cầm quyền, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và PL, Đảng không phải là tổ chức đứng trên dân tộc.

Thứ năm, xây dựng Đảng văn minh còn là ở chỗ đội ngũ đảng viên, từ những đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, nhất là những đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt, cho đến đảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải là những chiến sĩ tiên phong, gương mẫu trong công tác và cuộc sống hàng ngày.

Thứ sáu, Đảng văn minh phải là Đảng có quan hệ quốc tế trong sáng, hoạt động không những vì lợi ích dân tộc Việt Nam mà còn vì độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác; vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển của các dân tộc trên thế giới.

- Chủ tịch HCM cũng để lại cho Đảng và nhân dân ta một lời răn dạy: ***“Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định ngày hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”***. Như vậy, xây dựng Đảng để cho Đảng xứng đáng là Đảng đạo đức, văn minh là một nội dung đặc sắc trong TT HCM về ĐCS VN là bước sáng tạo của Người so với lý luận của Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

b) Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Hồ Chí Minh khẳng định: ***“Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”***. Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh phải trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin nhưng đồng thời phải luôn luôn sáng tạo, vận dụng cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh, từng lúc, từng nơi, không được phép giáo điều.
- **Tập trung dân chủ**: Người khẳng định đây là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt, bao trùm quá trình tồn tại và phát triển của Đảng. Tập trung và dân chủ là hai mặt của nguyên tắc, có quan hệ khăng khít với nhau: Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Tập trung là thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, mọi đảng viên phải chấp hành vô điều kiện Nghị quyết của Đảng. Người viết: ***“Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi và cũng là nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý”***.
- **Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách**.
 - Tập thể lãnh đạo vì: Một người dù tài giỏi đến mấy, nhiều kinh nghiệm đến đâu cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi vấn đề. Vì vậy, phải đảm bảo tập thể lãnh đạo. Cần nhiều người tham gia lãnh đạo vì: nhiều người thì nhiều kiến thức, người hiểu mặt này, người hiểu mặt kia, người hiểu việc này, người hiểu việc khác. Ý nghĩa của việc tập thể lãnh đạo rất đơn giản: “Đại bày hơn khôn độc”.

- Cá nhân phụ trách vì: Cá nhân phụ trách sẽ tránh được thói dựa dẫm, ỷ lại, “nhiều sãi không ai quét cửa chùa”.
- ⇒ Đối với tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách có lúc Hồ Chí Minh coi tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung. Để nhấn mạnh tính chất này, Hồ Chí Minh lưu ý 2 điều cần tránh trong hoạt động của Đảng: một là độc đoán, chuyên quyền, coi thường tập thể, không dám quyết đoán. Hai về tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách phải luôn đi đôi với nhau.

- **Tự phê bình và phê bình.**

- Mục đích của tự phê bình và phê bình là làm cho phần tốt trong con người nảy nở như hoa mùa xuân, phần xấu bị mất dần đi để hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ.
- Đề cập đến thái độ, phương pháp phê bình – tự phê bình, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Phải được tiến hành thường xuyên **“như mỗi ngày phải rửa mặt”**, phải kiên quyết, thẳng thắn, không nể nang, phải trung thực, thành khẩn, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Người cũng phê phán hiện tượng bao che, lẫn tránh khuyết điểm hoặc dĩ hòa vi quý hoặc lợi dụng phê bình để nói xấu, trù dập người khác.

- **Kỷ luật nghiêm minh, tự giác:**

- Sức mạnh vô địch của Đảng là tinh thần kỷ luật, tự giác, ý thức nghiêm minh của mỗi cán bộ, đảng viên.
- Hồ Chí Minh cho rằng Đảng ta tuy đông người nhưng khi tiến đánh chỉ như một người. Điều đó là nhờ trong Đảng có kỷ luật. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng **“Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tutướng cũng phải nhất trí, hành động phải nhất trí”**.
- Kỷ luật của Đảng là kỷ luật tự giác, **“do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”**.

- **Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn.**

- Theo Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng là một nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên, vừa cấp bách, vừa lâu dài để Đảng hoàn thành vai trò chiến sĩ tiên phong trước giai cấp, dân tộc.
- Tính tất yếu khách quan của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng được Hồ Chí Minh lý giải theo những căn cứ sau:
 - Xây dựng Đảng trong mỗi thời kỳ để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng thời kỳ đó.
 - Xây dựng chỉnh đốn Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, đặc biệt là giữ được các phẩm chất đạo đức cách mạng tiêu biểu
 - Xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền càng phải thường xuyên hơn.

- **Đoàn kết thống nhất trong Đảng.**

- Đoàn kết, thống nhất trong Đảng không những tăng cường sức mạnh của Đảng mà còn là cơ sở đoàn kết, thống nhất toàn dân. Đoàn kết trong Đảng dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin; cương lĩnh, đường lối, quan điểm và điều lệ Đảng; Nghị quyết của tổ chức Đảng các cấp. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng còn trên cơ sở các nguyên tắc xây dựng Đảng: Mở rộng dân chủ, tập trung, tự phê bình và phê bình.
- Đảng viên phải tu dưỡng đạo đức thường xuyên, chống chủ nghĩa cá nhân. Nhiệm vụ cách mạng càng phát triển thì sự đoàn kết thống nhất ngày càng quan trọng, càng phải được tăng cường.
- Vì vậy, HCM nói rằng *“giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”*.

- **Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân.** Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của toàn thể dân tộc Việt Nam. Vấn đề mối quan hệ giữa ĐCS – giai cấp công nhân – nhân dân Việt Nam là mối quan hệ khăng khít, máu thịt. Mỗi một thành tố đều có chức năng, nhiệm vụ riêng, nhưng tất cả những thành tố đó cũng như sự hoạt động, sự tương tác của chúng đều có tính hướng đích: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- **Đoàn kết quốc tế:**

- Đảng phải chú trọng giữ vững và tăng cường mối quan hệ quốc tế trong sáng. Điều này xuất phát từ tính chất quốc tế của giai cấp công nhân mà Mác, Ăngghen, Lênin đã nhiều lần đề cập.
- Đối với nguyên tắc này, Hồ Chí Minh coi cách mạng Việt Nam là một phần khăng khít của cách mạng thế giới. Trong Di chúc, Người mong Đảng “sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”

c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Hồ Chí Minh lưu ý phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa có đức, vừa có tài, trong sạch, vững mạnh. Người đề cập những yêu cầu chủ yếu sau đây đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên:

- Phải tuyệt đối trung thành với Đảng.
- Phải là những người nghiêm chỉnh thực hiện cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, Nghị quyết của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng.
- Phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng.
- Phải luôn luôn học tập, nâng cao trình độ mọi mặt.
- Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.
- Phải luôn luôn chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo.
- Phải là những người luôn luôn phòng và chống các tiêu cực

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

1. Nhà nước dân chủ

a) Bản chất giai cấp của Nhà nước

Nhà nước ở đâu và bao giờ cũng mang bản chất của giai cấp nhất định. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam mới – Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), là một Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân thể hiện ở những phương diện sau:

- Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Trong lời nói đầu Hiến Pháp 1959 ***“Nhà nước của ta là nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”***.
- Bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước.
- Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ.
- Trong Nhà nước Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:
 - Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc. Cách mạng Tháng Tám 1945 đã đưa tới sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Nhà nước Việt Nam mới, do vậy, không phải của riêng giai cấp nào, tầng lớp nào, mà thuộc về nhân dân.
 - Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng. HCM khẳng định quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn thể dân tộc. NN không chỉ thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà còn của nhân dân và của toàn dân tộc, CP luôn là CP đại đoàn kết.
 - Nhà nước mới vừa ra đời đã đảm nhận nhiệm vụ lịch sử giao phó: Tổ chức cuộc kháng chiến của toàn dân tộc, bảo vệ thành quả cách mạng, tiến tới thống nhất nước nhà, xây dựng nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển, tiến bộ của thế giới.

b) Nhà nước của nhân dân

- Theo quan điểm của HCM, nhà nước của dân là nhà nước mà tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân. Người khẳng định: ***“Trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”***. Nhà nước của dân tức là “dân là chủ”. Nguyên lý “dân là chủ” khẳng định địa vị chủ thể tối cao của mọi quyền lực là ND.

- Dân là người có địa vị cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước thông qua hai hình thức: Dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.
 - **Dân chủ trực tiếp** là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. HCM luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp và đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hành dân chủ trực tiếp, bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất.
 - Dân chủ gián tiếp (hay dân chủ đại diện) là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập lên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp là:
 - Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân. Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là nhân dân ủy thác cho. Do vậy các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ của nó đều là “công bộc” của nhân dân, nghĩa là **“gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải là đê đầu nhân dân”**. Ở đây, HCM đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa Nhân dân và cán bộ nhà nước trên cơ sở Nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Theo HCM: **“Dân làm chủ thì Chủ tịch, Bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này, ủy viên khác làm gì? Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải làm quan cách mạng”**. Chính vì thế, HCM kịch liệt phê phán những cán bộ thoái hóa, biến chất, từ chỗ là công bộc của Nhân dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên Nhân dân, coi khinh Nhân dân, “cây thế” với dân, **“quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”**.
 - Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên. Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của HCM nhằm đảm bảo cho mọi quyền lực, trong đó quyền lực nhà nước luôn luôn nằm trong tay nhân dân. Dân có quyền tham gia vào công việc quản lý nhà nước, có quyền phê bình, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động của các đại biểu và cơ quan nhà nước. Một nhà nước thực sự của dân khi có **“đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm trọn nhiệm vụ của mình là: người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”** và **“nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ rõ không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”** thậm chí **“nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”**.

- Luật pháp dân chủ và công cụ quyền lực của Nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của Nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

c) Nhà nước do nhân dân

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước do Nhân dân trước hết là nhà nước do Nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân cử ra, tổ chức nên nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết...
- Nhà nước do Nhân dân còn có nghĩa là dân làm chủ. Người khẳng định rõ: ***“Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”***. Nếu “dân là chủ” xác định vị thế của Nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của Nhân dân với tư cách là người chủ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, ***“nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”***. Dân có nghĩa vụ và trách nhiệm đóng góp trí tuệ, sức người, sức của để tổ chức, xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.
- Trong nhà nước do Nhân dân làm chủ, nhà nước phải tạo điều kiện để nhân dân thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.
- Nhà nước cần coi trọng việc giáo dục Nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh khẳng định: ***“Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”***. Không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của Nhân dân, cũng không chỉ đưa nhân dân tham gia công việc Nhà nước, mà Hồ Chí Minh còn động viên nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ

d) Nhà nước vì nhân dân

- Nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần, kiệm, liêm, chính. Hồ Chí Minh viết: ***“Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”***.
- Trong nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đầy tớ, nhưng đồng thời phải vừa là người lãnh đạo của nhân dân. Là người đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần, liêm, liêm, chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn

người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải gồm đủ cả đức và tài, phải vừa hiền vừa minh.

2. Nhà nước pháp quyền

a) Nhà nước hợp hiến, hợp pháp

- Nhà nước hợp hiến, hợp pháp là nhà nước đó phải được thành lập qua tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Nhà nước có đầy đủ tư cách lý để giải quyết những công việc đối nội, đối ngoại của nước ta.
- Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội. Điều này thể hiện trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam của nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp do Người thay mặt gửi tới Hội nghị Véc-xây (Pháp) năm 1919. Người đã yêu cầu thực dân Pháp thay thế chế độ ra sắc lệnh ở Đông Dương bằng chế độ ra các đạo luật, người bản xứ cũng có quyền được hưởng những đảm bảo pháp luật như người Âu, xóa bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong Nhân dân An Nam.
- Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc bảo đảm cho Nhà nước được tổ chức và vận hành phù hợp với pháp luật, đồng thời, căn cứ vào pháp luật để điều hành xã hội, làm cho tinh thần pháp quyền thấm sâu và điều chỉnh mối quan hệ và hoạt động trong Nhà nước và xã hội.
- Chính vì thế, chỉ một ngày sau khi đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (03/9/1945), Hồ Chí Minh đã đề nghị: “Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu” để lập nên Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy hợp hiến, thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân như vậy thì nước ta mới có cơ sở pháp lý vững chắc để làm việc với quân Đồng Minh, mới có quan hệ quốc tế bình đẳng, mới thiết lập được một cơ chế quyền lực hợp pháp theo đúng thông lệ của một nhà nước pháp quyền hiện đại.
- Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 06/01/1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu. Đây là lần đầu tiên ở Việt Nam và Đông Nam Á, tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam, nữ, giàu, nghèo, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, đều có quyền bỏ phiếu, bầu những đại biểu của mình vào Quốc hội.
- Ngày 02/3/1946, Quốc hội khóa I đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được Quốc hội nhất trí bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Đây là chính phủ hợp hiến đầu tiên do đại biểu của nhân dân bầu ra, có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết mọi vấn đề đối nội và đối ngoại của đất nước.

b) Nhà nước thượng tôn pháp luật

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng Hiến pháp và pháp luật. Muốn vậy, trước hết, cần làm tốt công tác lập pháp. Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng hệ thống luật pháp dân chủ, hiện đại. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần tham gia tham gia vào quá trình lãnh đạo xây dựng Hiến pháp (Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959), đã ký lệnh công bố 16 đạo luật và 613 sắc lệnh, trong đó có 243 sắc lệnh quy định về tổ chức Nhà nước và pháp luật và nhiều văn bản dưới luật khác.
- Cùng với công tác lập pháp, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, bảo đảm cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật. Người nói: “công bố đạo luật này chưa phải là mọi việc đều xong, mà còn phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện tốt”.
 - Hồ Chí Minh coi trọng phải nâng cao trình độ dân trí của nhân dân. Người chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng pháp luật của người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong Nhân dân. Pháp luật là công cụ quyền lực của Nhân dân, vì thế điều quan trọng là phải **“làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”**.
 - Hồ Chí Minh cho rằng, công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền, bảo đảm quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống.
- Hồ Chí Minh luôn nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật. Người tuyên bố: **“Pháp luật Việt Nam tuy khoan hồng với những người biết cải tà quy chính, nhưng sẽ thẳng tay trừng trị những tên Việt gian đầu sỏ đã bán nước buôn dân”**. Điều đó, đòi hỏi pháp luật phải đúng và phải đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thực sự công tâm và nghiêm minh,... Người phê phán những hiện tượng thể hiện tính thiếu nghiêm minh của pháp luật, như: **“thường có khi quá rộng, mà phạt thì không nghiêm”**.
- Hồ Chí Minh luôn luôn khuyến khích Nhân dân phê bình, giám sát công việc của Nhà nước, giám sát quá trình Nhà nước thực thi pháp luật, đồng thời không ngừng nhắc nhở cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp. Trong thư gửi Hội nghị tư pháp toàn quốc, Người viết: **“Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lễ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” cho nhân dân noi theo”**. Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Người tự giác khép mình vào kỷ luật, vào việc gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh.

c) Pháp quyền nhân nghĩa

- “Pháp quyền nhân nghĩa” là trước hết Nhà nước phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích của mọi người. Tiếp thu và vận dụng sáng tạo các lý thuyết hiện đại về quyền con người, Hồ Chí Minh tiếp cận quyền con người một cách toàn diện. Người đề cập các quyền tự nhiên của con người, trong đó quyền cao nhất là quyền sống; đồng thời cũng đề cập đến cả các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Người chú trọng quyền của công dân nói chung, đồng thời cũng chú trọng đến quyền của những nhóm người cụ thể như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số,... Sự nghiệp cách mạng chân chính cần đấu tranh cho quyền con người, vì thế, mục tiêu giải phóng con người, làm cho mọi người có được cuộc sống tự do, xứng đáng với phẩm giá con người, được hưởng dụng các quyền con người một cách đầy đủ nhất đã hòa quyền một cách hữu cơ và trở thành mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời luôn nhất quán quan điểm kiên quyết đấu tranh cho quyền con người. Hiến pháp Việt Nam đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở nước ta. Đó là nền tảng pháp lý để bảo vệ và thực thi các quyền con người một cách triệt để.
- Trong pháp quyền nhân nghĩa, pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện. Cho nên, ngay từ khi thành lập, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lập tức tuyên bố xóa bỏ mọi luật pháp hà khắc của chính quyền thực dân phản động. Tính nhân văn của hệ thống pháp luật thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người; ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng, tuyệt đối không đối xử với con người một cách dã man. Ngay cả với những kẻ phản bội Tổ quốc, Hồ Chí Minh tuyên bố rõ: “Chính phủ Việt Nam sẽ tha thứ hay trừng trị họ theo luật pháp tùy theo thái độ của họ hiện nay và về sau. Nhưng sẽ không có ai bị tàn sát”. Đặc biệt hệ thống luật pháp đó có tính khuyến thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hóa, thức tỉnh con người làm căn bản. Với Hồ Chí Minh, việc xây dựng và thi hành pháp luật phải dựa trên nền tảng đạo đức của xã hội và các giá trị đạo đức thấm sâu vào trong mọi quy định của pháp luật. Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

3. Nhà nước trong sạch vững mạnh

a) Kiểm soát quyền lực nhà nước

- Theo quan điểm của HCM, kiểm soát quyền lực nhà nước là tất yếu. Các cơ quan NN, cán bộ NN, dù ít hay nhiều đều nắm giữ quyền lực trong tay. Quyền lực này là do ND ủy thác cho. Nhưng một khi đã nắm giữ quyền lực, cơ quan NN hay cán bộ NN đều có thể trở nên lạm quyền. Người chỉ rõ: *“dân ghét các ông chủ tịch, các ông ủy viên vì cái tật ông nghênh, cậy thế, cậy quyền. Những ông này không hiểu nhiệm vụ và chính sách của Việt Minh, nên khi nắm được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng”*. Vì thế, để bảo đảm tất cả mọi quyền lực thuộc về Nhân dân, cần kiểm soát quyền lực nhà nước.

- Về hình thức kiểm soát quyền lực NN, theo HCM, trước hết, cần phát huy vai trò của ĐCS VN. Đảng là đội tiên phong của GC CN, của ND LĐ và của DT, là đảng cầm quyền, lãnh đạo NN và XH, chính vì vậy, Đảng có quyền và có trách nhiệm kiểm soát quyền lực NN. HCM chỉ rõ: **“Công việc của Đảng và của Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công việc kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân”**.
- Để kiểm soát có kết quả tốt, theo Hồ Chí Minh, cần có hai điều kiện là việc kiểm soát phải có hệ thống và người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Người còn nêu rõ hai cách kiểm soát là từ trên xuống dưới và từ dưới lên. Người nhấn mạnh, phải “khéo kiểm soát”.
- Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước, vì thế, nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước. Người nhấn mạnh: **“Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”**.

b) Phòng chống tiêu cực trong nhà nước

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn đề cập đến những tiêu cực và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục ba hiện tượng sau:

- **Một là, đặc quyền, đặc lợi.** Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vợ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.
- **Hai là, tham ô, lãng phí, quan liêu**
 - Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng”, thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Biểu hiện của nó ở cán bộ là: ăn cắp của công làm của tư, đục khoét của nhân dân... Về phía người dân: ăn cắp, khai gian, lậu thuế... Ngày 27/11/1946, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh ấn định hình phạt đưa và nhận hối lộ ở mức 5 đến 20 năm tù khổ sai, nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26/1/1946, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp đến mức cao nhất là tử hình.
 - Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh phê phán gay gắt. Theo Người, lãng phí có những biểu hiện sau: lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của.
 - Quan liêu là một trong những nguyên nhân tạo nên tham ô, lãng phí, đó là hiện tượng các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không gần dân, không sát công việc thực tế, trọng hình thức, không đi sâu từng vấn đề... Tác hại của quan liêu có thể đánh mất một lần nữa chính quyền vừa giành được. Đó là căn bệnh phải chống.

- **Ba là, “tư túng”, “chia rẽ”, “kiêu ngạo”.** Những biểu hiện trên gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè, kéo cánh, tệ bà con bạn hữu mình không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài, có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Trong chính quyền, còn hiện tượng gây mất đoàn kết, không biết cách làm cho mọi người hoà thuận với nhau, còn có người “bệnh vực lớp này, chống lại lớp khác”. Ngoài bệnh cậy thế, có người còn kiêu ngạo, **“trông mình còn ở cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi... cứ chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng”**.
- Để tìm ra biện pháp phòng chống tiêu cực trong bộ máy Nhà nước, Hồ Chí Minh đã dày công luận giải những nguyên nhân nảy sinh tiêu cực. Những nguyên nhân này được Hồ Chí Minh tiếp cận rất toàn diện. Trước hết là nguyên nhân chủ quan, bắt nguồn từ căn “bệnh mẹ” là chủ nghĩa cá nhân, từ sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện của bản thân cán bộ. Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khách quan từ gần đến xa, là do công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước chưa tốt; do cách tổ chức, vận hành trong Đảng, trong Nhà nước, sự phối hợp giữa Đảng, Nhà nước chưa thật sự khoa học, hiệu quả; do trình độ phát triển còn thấp của đời sống xã hội; do tàn dư của những chính sách phản động của chế độ thực dân, phong kiến; do âm mưu chống phá của các thế lực thù địch... Các nguyên nhân này không tồn tại biệt lập với nhau, mà có sự kết hợp với nhau, tiến công vào đội ngũ cán bộ. Nếu Đảng và Nhà nước không có biện pháp phòng, chống tốt, không có chính sách bảo vệ cán bộ một cách có hiệu quả, thì nguy cơ mất cán bộ là rất lớn.
- Phòng, chống tiêu cực Nhà nước là nhiệm vụ hết sức khó khăn, trong nhiều tác phẩm khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều biện pháp khác nhau. Khái quát lại, có thể thấy nổi bật một hệ thống biện pháp như sau:
 - **Một là**, nâng cao trình độ dân chủ trong xã hội, thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân đó phải là giải pháp căn bản và có ý nghĩa lâu dài.
 - **Hai là**, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra phải thường xuyên. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc và tự giác tuân thủ pháp luật, kỷ luật. Đối với những kẻ thoái hóa, biến chất, pháp luật phải “thẳng tay trừng trị”, bất kể kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Trong Nhà nước “trăm điều phải có thần linh pháp quyền” thì tuyệt nhiên không có vùng cấm nào.
 - **Ba là**, phạt nghiêm minh, nghiêm khắc, đúng người, đúng tội là cần thiết, song việc gì cũng xử phạt là không đúng. Cần coi trọng giáo dục, cảm hóa làm chủ yếu. Chỉ có như vậy mới làm cho cái tốt ở trong mỗi người nảy nở như hoa mùa Xuân, và cái xấu mất dần đi. Trong giáo dục cán bộ phải coi trọng giáo dục đạo đức, xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức của người cầm quyền, khơi dậy lương tâm ở trong mỗi con người.

- **Bốn là**, cán bộ phải đi trước làm gương. Cán bộ giữ chức vụ càng cao, trách nhiệm nêu gương càng lớn. Cán bộ, người đứng đầu có ý thức nêu gương tu dưỡng đạo đức, chống tiêu cực, sẽ có tác động rất mạnh mẽ đến cấp dưới, đến Nhân dân, góp phần xây dựng nên những đức tính tốt trong Nhân dân. Đây là một nét đặc sắc trong văn hóa chính trị Hồ Chí Minh.
- **Năm là**, phải huy động sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước vào cuộc chiến chống lại tiêu cực trong con người, trong xã hội và trong bộ máy Nhà nước. Bất kỳ người Việt Nam nào có lòng tự hào, tự tôn dân tộc, thì dù là người dân bình thường hay cán bộ, đảng viên đều phải có trách nhiệm tu dưỡng và thực hành đạo đức cách mạng.

Chương 5. Tư tưởng HCM về đại đoàn kết dân tộc

1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân

a) Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

- Muốn đưa cách mạng đến thành công phải có lực lượng cách mạng đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù và xây dựng thành công xã hội mới; muốn có lực lượng cách mạng phải thực hiện đại đoàn kết, quy tụ mọi lực lượng cách mạng thành một khối vững chắc. Do đó, đoàn kết trở thành vấn đề chiến lược lâu dài của cách mạng, là nhân tố bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng.
- Trong tư tưởng HCM, đại đoàn kết toàn dân tộc là chiến lược lâu dài, nhất quán của cách mạng Việt Nam. Người chỉ rõ **“Sử dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”**. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề mang tính sống còn của dân tộc VN nên chiến lược này được duy trì cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân của HCM trở thành vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với cách mạng Việt Nam. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng nhân dân, nhằm hình thành sức mạnh to lớn của cả dân tộc trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù của dân tộc và giai cấp. Điều đó được người tổng kết thành những luận điểm có tính chân lý như: “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”,

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,
Thành công, thành công, đại thành công”

Đại đoàn kết luôn được coi là vấn đề sống còn của cách mạng. Tuy nhiên, ở mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ phát triển của cách mạng có thể và cần thiết phải điều chỉnh chính sách, phương pháp tập hợp lực lượng cho phù hợp với những đối tượng khác nhau trong cộng đồng các dân tộc; có như vậy, chiến lược đại đoàn kết mới phát huy hết vai trò tích cực của mình.

b) Đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam

- Đối với HCM đoàn kết không đơn giản là phương pháp tập hợp, tổ chức lực lượng cách mạng mà cao hơn nó chính là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Do đó, đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong mọi chủ trương, đường lối của Đảng.
- Trong Lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3/3/1951, HCM thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc **“Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”**. Nhiệm vụ là tuyên truyền, huấn luyện làm sao cho nhân dân hiểu và làm được như **“Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà”**.
- Đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của dân tộc. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng. Đoàn kết là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng và là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng bởi nếu không đoàn kết thì chính họ sẽ thất bại trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của chính mình. Nhận thức rõ điều đó, ĐCS phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

a) Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, theo HCM, bao gồm toàn thể nhân dân, tất cả những người Việt Nam yêu nước ở các giai cấp, tầng lớp, các ngành, các giới, các lứa tuổi, các dân tộc, đồng bào tôn giáo, các đảng phái v.v
- “Nhân dân” trong tư tưởng HCM vừa được hiểu là con người Việt Nam cụ thể, vừa là tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, cả hai đều là chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- Đại đoàn kết toàn dân tộc tức là phải tập hợp đoàn kết được tất cả mọi người dân vào một khối thống nhất, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, ở trong nước hay ở nước ngoài vào mục tiêu chung, **“ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”**. Từ “ta” ở đây là chủ thể, vừa là ĐCS VN nói riêng, vừa là mọi người dân Việt Nam nói chung.
- Hồ Chí Minh còn chỉ rõ, trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc để tập hợp lực lượng, không bỏ sót lực lượng nào miễn là họ có lòng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, không phản bội này quyền lợi của nhân dân. Tư tưởng của Người đã định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến CM XHCN.

b) Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Muốn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải xác định rõ đâu là cái nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và những lực lượng nào tạo nên nền tảng đó. HCM chỉ rõ **“Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đa số nhân dân, mà đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”**. Như vậy, lực lượng làm nên nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo quan điểm của HCM là công nhân, nông dân và trí thức. Nền tảng này càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng có thể mở rộng, khi ấy không có thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại ĐK toàn dân tộc.
- Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải đặc biệt chú trọng yếu tố “hạt nhân” là sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng bởi vì đó là điều kiện cho sự đoàn kết ngoài xã hội. Sự đoàn kết của Đảng càng được củng cố thì sự đoàn kết toàn dân tộc càng được tăng cường, Đảng đoàn kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt của Đảng với nhân dân đã tạo nên sức mạnh bên trong của cách mạng Việt Nam để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù, đi tới thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- **Một là**, phải lấy lợi ích chung làm điểm quy tụ, đồng thời tôn trọng các lợi ích khác trọng các lợi ích khác biệt chính đáng. Phải chú trọng xử lý các mối quan hệ lợi ích rất đa dạng, phong phú trong xã hội Việt Nam. Chỉ có xử lý tốt quan hệ lợi ích, trong đó tìm ra điểm tương đồng, lợi ích chung thì mới đoàn kết lực lượng. Mục đích chung của Mặt trận, được xác định HCM xác định cụ thể, phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, nhằm tập hợp tới mức cao nhất lực lượng dân tộc vào khối đại đoàn kết. Vì vậy, đoàn kết phải lấy lợi ích tối cao của dân tộc, lợi ích căn bản của nhân dân lao động làm mục tiêu phấn đấu; đây là nguyên tắc bất di bất dịch.
- **Hai là**, phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc. Truyền thống đó là giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam; là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.
- **Thứ ba**, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người. Trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu...; cần phải có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi người, có vậy mới tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng.
- **Bốn là**, phải có niềm tin vào nhân dân. Dân là chỗ dựa vững chắc đồng thời cũng là nguồn sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyết định thắng lợi của cách mạng.

4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất

a) Mặt trận dân tộc thống nhất

- Khối đại đoàn kết toàn dân tộc chỉ trở thành lực lượng to lớn, có sức mạnh khi được tập hợp, tổ chức lại thành một khối vững chắc, đó là Mặt trận dân tộc thống nhất.
- Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi người dân nước Việt, cả trong nước và kiều bào sinh sống ở nước ngoài.

- Mặt trận dân tộc thống nhất có những tên gọi khác nhau như: Hội Phản đế đồng minh (1930); Mặt trận dân chủ (1936); Mặt trận nhân dân phản đế (1939); Mặt trận Việt Minh (1941); Mặt trận Liên Việt (1951); Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960); Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955,1976)... Mặc có nhiều tên gọi khác nhau nhưng thực chất chỉ có một tổ chức chính trị - xã hội nhằm tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức các cá nhân yêu nước ở trong nước và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

b) Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

- **Một là**, phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân - trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.
 - Đây là nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó để mở rộng Mặt trận, làm cho Mặt trận thực sự quy tụ được cả dân tộc, kết thành một khối vững chắc trong Mặt trận.
 - Phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân – trí thức.
 - Phải lấy liên minh công nông làm nền tảng **“vì họ là người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống. Vì họ đông hơn hết, mà cũng bị áp bức bóc lột nặng nề hơn hết. Vì chí khí cách mạng của họ chắc chắn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác”**.
 - Không nên chỉ nhấn mạnh vai trò của công nông, mà còn phải thấy vai trò và sự cần thiết phải liên minh với các giai cấp khác, nhất là với đội ngũ trí thức.
 - Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.
 - Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo, Đảng không có lợi ích riêng, mà gắn liền với lợi ích toàn xã hội, toàn dân tộc.
 - Đảng lãnh đạo đối với mặt trận thể hiện ở khả năng nắm bắt thực tiễn, phát hiện ra quy luật khách quan sự vận động của lịch sử để vạch đường lối và phương pháp cách mạng phù hợp.
 - Lãnh đạo Mặt trận hoàn thành nhiệm vụ của mình là đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.
- **Hai là**, phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.
 - Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc, bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo khác nhau, với nhiều lợi ích khác nhau. Do vậy, hoạt động của Mặt trận phải dựa trên nguyên tắc hiệp thương dân chủ.
 - Mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức.
 - Những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung của đất nước, của dân tộc cần được tôn trọng, những gì riêng biệt, không phù hợp sẽ dần được giải quyết bằng lợi ích chung của dân tộc, bằng sự nhận thức ngày càng đúng đắn hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng.
- **Ba là**, phải đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Trong Mặt trận, các thành viên có những điểm tương đồng nhưng cũng có những điểm khác biệt, nên cần có sự bàn bạc để đi đến nhất trí.
- Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị”, lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt.
- Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân.

5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

a) Một là, làm tốt công tác vận động quần chúng (Dân vận).

- Đoàn kết, đại đoàn kết như một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của Đảng; để thực hiện mục tiêu đó thì phải làm tốt công tác vận động quần chúng để đoàn kết mọi người, tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá.
- Để phát huy đầy đủ vai trò, trí tuệ, khả năng to lớn của quần chúng nhân dân, Đảng và Nhà nước cũng như mọi cán bộ, đảng viên phải:
 - Biết làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ và vận động quần chúng nhân dân thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.
 - Phải giúp nhân dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người công dân đối với Đảng, với Tổ quốc và với dân tộc, từ đó họ tích cực, chủ động, tự giác phấn đấu và cống hiến cho sự nghiệp cách mạng.
- Phương pháp tiếp cận và vận động quần chúng:
 - Phải phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của quần chúng;
 - Phải xuất phát từ thực tế trình độ dân trí và văn hoá, theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp, bao gồm cả phong tục, tập quán và cụ thể đối với từng địa phương, từng đối tượng của nhân dân.

b) Hai là, thành lập đoàn thể, tổ chức quần chúng phù hợp với từng đối tượng để tập hợp quần chúng.

- Những tổ chức để tập hợp, giáo dục, rèn luyện quần chúng phải phù hợp từng giai cấp, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, vùng miền... như các tổ chức: Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ...
- Các đoàn thể, tổ chức quần chúng có nhiệm vụ giáo dục, động viên và phát huy tính tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ của cách mạng trong từng giai đoạn

c) Ba là, các đoàn thể, tổ chức quần chúng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Bản chất của đoàn thể nhân dân, các tổ chức quần chúng là tổ chức của dân, do đó vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là phải vận động quần chúng bao gồm các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội tham gia vào các tổ chức của mình.
- Đối với các đoàn thể, tổ chức quần chúng, Hồ Chí Minh cho rằng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất, do vậy đều có sự chỉ đạo trong công tác vận động, thu hút, tập hợp quần chúng tham gia sinh hoạt trong tổ chức của mình.

Chương 6. Tư tưởng HCM về văn hóa

1. Quan niệm HCM về văn hóa

Người viết: “*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa*”.

2. Quan điểm HCM về quan hệ văn hóa với các lĩnh vực khác

- **Quan hệ giữa văn hóa với chính trị:** Văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong chính trị, tức là văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị; đồng thời mọi hoạt động của tổ chức và nhà chính trị phải có hàm lượng văn hóa.
- **Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế:** Văn hóa cũng không thể đứng ngoài mà phải đứng trong kinh tế, nghĩa là văn hóa không hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế, mà có vai trò tác động tích cực trở lại kinh tế.
- **Quan hệ giữa văn hóa với xã hội:** Giải phóng về chính trị thì văn hóa mới có điều kiện phát triển. Xã hội thế nào văn hóa thế ấy. Phải làm cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, đưa Đảng Cộng sản Việt Nam lên địa vị cầm quyền, thì mới giải phóng được văn hóa.
- **Về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại**
 - Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị văn hóa bền vững của cộng đồng các dân tộc VN; là thành quả của quá trình lao động sản xuất, sản xuất, chiến đấu và giao lưu của con người VN.
 - Bản sắc văn hóa dân tộc VN được nhìn nhận qua hai lớp quan hệ: Về nội dung, đó là lòng yêu nước, thương nòi; tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc,.. Về hình thức, cốt cách văn hóa dân tộc biểu hiện ở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống, cách cảm và nghĩ,..
 - Bản sắc văn hóa dân tộc chứa đựng giá trị lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nó phản ánh những nét độc đáo, đặc tính dân tộc. Nó là ngọn nguồn đi tới chủ nghĩa Mác – Lênin. Chăm lo cốt cách dân tộc, đồng thời cần triệt để tẩy trừ mọi di hại thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc, tôn trọng phong tục, tập quán, văn hóa của các dân tộc ít người.
 - Trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phải biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Tiếp biến văn hóa (tiếp nhận và biến đổi) là một quy luật của văn hóa. Theo Hồ Chí Minh, “*văn hóa Việt Nam ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại... Tây phương hay Đông phương có gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, trau dồi cho văn hóa Việt nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để kết hợp với tinh thần dân chủ*”.
 - Hồ Chí Minh chỉ rõ mục đích tiếp thu văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, xây dựng văn hóa VN hợp với tinh thần dân chủ. Nội dung tiếp thu là toàn diện bao gồm Đông, Tây, kim, cổ, tất cả các mặt, các khía cạnh. Tiêu chí tiếp thu là có cái gì hay, cái gì tốt là ta học lấy. Mỗi quan hệ giữa giữ gìn cốt cách dân tộc và tiếp thu văn hóa nhân loại là phải lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại.

3. Vai trò của văn hóa

a) Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

Văn hóa là mục tiêu: nhìn một cách tổng quát, văn hóa là quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc; là khát vọng của nhân dân về các giá trị chân, thiện, mỹ. Đó là một xã hội dân là chủ và dân làm chủ, công bằng, văn minh, ai cũng com ăn áo mặc, ai cũng được học hành; một xã hội mà đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn được quan tâm và không ngừng nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Văn hóa là động lực, động lực là cái thúc đẩy làm cho phát triển. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, động lực có thể nhận thức ở các phương diện chủ yếu sau:

- Văn hóa chính trị, là một trong những động lực có ý nghĩa soi đường cho quốc dân đi, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ.
- Văn hóa văn nghệ, góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng, sự lạc quan, ý chí, quyết tâm và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.
- Văn hóa giáo dục, diệt giặc đói, xóa mù chữ, với sứ mệnh “trồng người”, văn hóa giáo dục đào tạo con người mới, cán bộ mới, nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp cách mạng.
- Văn hóa đạo đức, nâng cao phẩm giá, hướng con người tới các giá trị chân, thiện, mỹ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, đạo đức là gốc của người cách mạng. Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng hay là không. Nhận thức như vậy để thấy văn hóa đạo đức là một động lực lớn thúc đẩy cách mạng phát triển.
- Văn hóa pháp luật, bảo đảm dân chủ, trật tự, kỷ cương, phép nước.

b) Văn hóa là một mặt trận

- Văn hóa là một mặt trận là nói đến một lĩnh vực hoạt động có tính độc lập, có mối quan hệ mật thiết với các lĩnh vực khác, đồng thời phản ánh tính chất cam go, quyết liệt của hoạt động văn hóa, là cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng.
- Để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật phải có lập trường tư tưởng vững vàng; ngòi bút là vũ khí sắc bén trong sự nghiệp “phò chính trừ tà”. Phải bám sát cuộc sống thực tiễn, đi sâu vào quần chúng, để phê bình nghiêm khắc những thói xấu như tham ô, lười biếng, lãng phí, quan liêu, và ca tụng chân thật những người tốt việc tốt để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay và giáo dục con cháu đời sau. Đó chính là “chất thép” của văn nghệ theo tinh thần “kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

c) Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

- Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng hạnh phúc của nhân dân. Tư tưởng văn hóa của Người cũng vì nhân dân, phục vụ nhân dân. Trên cơ sở đó để định hướng giá trị cho quần chúng. Nhân dân là những người thẩm định khách quan, trung thực, chính xác các sản phẩm văn nghệ và là những người được hưởng thụ các giá trị văn hóa.

4. Quan điểm HCM về xây dựng nền văn hóa mới

- Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng nền văn hóa dân tộc với năm nội dung: 1) Xây dựng tâm lý: Tinh thần độc lập tự cường. 2) Xây dựng luân lý: Biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng. 3) Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân. 4) Xây dựng chính trị (dân quyền). 5) Xây dựng kinh tế.
- Trong kháng chiến chống thực dân Pháp: Khi cả dân tộc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ, Hồ Chí Minh khẳng định lại quan điểm của Đảng ta từ năm 1943, đó là một nền văn hóa có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

- Trong thời kỳ xây dựng CNXH: Trong thời kỳ nhân dân miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.
- ⇒ Tóm lại, quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, đó là là một nền văn hóa toàn diện, giữ gìn được cốt cách văn hóa dân tộc, bảo đảm tính khoa học, tiến bộ và nhân văn.

Chương 7. Tư tưởng HCM về đạo đức

1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng

- Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, lãnh tụ cách mạng thế giới bàn nhiều về đạo đức và giáo dục, thực hành đạo đức.
- Hồ Chí Minh khẳng định: đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người; đạo đức là cái gốc của con người; là nền tảng, là sức mạnh, là tiêu chuẩn hàng đầu của người cách mạng.
- Những lời dạy của Bác về đạo đức:
 - “Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
 - Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
 - Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.
 - Thiếu một mùa, thì không thành trời.
 - Thiếu một phương, thì không thành đất
 - Thiếu một đức, thì không thành người”.

Hay: “Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm chuyện gì cũng khó”.

- Đạo đức trở thành nhân tố quyết định của sự thành bại của mọi công việc, phẩm chất mỗi con người.
- Đức và tài phải là những phẩm chất thống nhất của con người. Nếu đạo đức là tiêu chuẩn cho mục đích hành động thì tài là phương tiện thực hiện mục đích đó. Vì vậy, con người cần có cả đức và tài, nếu thiếu tài thì làm việc gì cũng khó, nhưng thiếu đạo đức thì vô dụng, thậm chí có hại. Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực phải thống nhất làm một. Trong đó, đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng.

2. Quan điểm HCM về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

a) Trung với nước, hiếu với dân

- Trung với nước, là phải yêu nước, gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, với con đường đi lên của đất nước, suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng.
- Hiếu với dân, là phải thương dân, tin dân, thân dân, học hỏi dân, lấy trí tuệ ở dân, kính trọng dân, lấy dân làm gốc, **“Phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Phải yêu kính nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân”.**

b) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng, đó là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hằng ngày của mỗi người, là đại cương đạo đức Hồ Chí Minh.

- “Cần tức là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai”; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng.
- Kiệm “là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”. Tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của của dân, của nước, của bản thân mình..
- ⇒ “Cần với kiệm, phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người” như Người đã nói “CẦN mà không KIỀM, "thì làm chùng nào xào chùng ấy". Cũng như một cái thùng không có đáy; nước đổ vào chùng nào, chảy ra hết chùng ấy, không lại hoàn không”.
- Liêm “là trong sạch, không tham lam”; là liêm khiết, “luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công, của dân”, có Kiệm mới có Liêm được **“Liêm là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tặng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ”**.
- Chính **“nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn. Điều gì không đứng đắn, thẳng thắn, tức là tà”**, Chính được thể hiện rõ trong 3 mối quan hệ: Đối với mình - Chớ tự kiêu, tự đại. Đối với người: Chớ nịnh hót người trên. Chớ xem khinh người dưới. Thái độ phải chân thành, khiêm tốn.
- ⇒ Hồ Chí Minh cho rằng, các đức tính cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau, cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm kiểu mẫu cho dân. Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân.
- Chí công vô tư, là hoàn toàn vì lợi ích chung, không vì tư lợi; là hết sức công bằng, không chút thiên vị, công tâm, luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân, của dân tộc lên trên hết, trước hết. Chí công vô tư là nêu cao chủ nghĩa tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân. Người nói: **“Dem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc”. “Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”**.
- Hồ Chí Minh quan niệm, đối với một quốc gia, cần, kiệm, liêm chính là thước đo sự giàu có về vật chất, vững mạnh về tinh thần; thể hiện sự văn minh, tiến bộ. Để trở thành người có phẩm chất đạo đức tốt, phải hội đủ các yếu tố cần, kiệm, liêm, chính. Người coi cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính cơ bản của con người, giống như bốn mùa của trời, bốn phương của đất.

c) Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa

Kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tiếp thu tinh thần nhân văn của nhân loại qua nhiều thập niên cùng với việc thể nghiệm chính bản thân mình qua hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã xác định tình thương yêu con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

Theo Hồ Chí Minh, người cách mạng là người giàu tình cảm, có tình cảm cách mạng mới đi làm cách mạng. Vì yêu thương nhân dân, yêu thương con người mà Hồ Chí Minh sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh để đem lại độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho con người.

Tình thương yêu con người theo Hồ Chí Minh phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, thể hiện trong mối quan hệ hằng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em, phải được thể hiện ở hành động cụ thể thiết thực. Nó đòi hỏi mỗi người phải chặt chẽ và

nghiêm khắc với mình; rộng rãi, độ lượng và giàu lòng vị tha đối với người khác; phải có thái độ tôn trọng những quyền của con người, tạo điều kiện cho con người phát huy tài năng; nâng con người lên, kể cả những người nhất thời lầm lạc, chứ không phải là thái độ “dĩ hòa vi quý”, không phải hạ thấp, càng không phải vui dập con người.

Người thường dạy: “Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được”. Trong Di chúc Người viết: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”.

d) Tinh thần quốc tế trong sáng

Chủ nghĩa quốc tế là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với các dân tộc bị áp bức, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ trên toàn cầu, chống lại mọi sự chia rẽ, hằn thù, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc; chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập và chủ nghĩa bành trướng bá quyền. Hồ Chí Minh chủ trương giúp bạn là tự giúp mình.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, HCM đã dày công xây đắp tinh thần đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới và đã tạo ra một kiểu quan hệ quốc tế mới: đối thoại thay cho đối đầu, nhằm kiến tạo một nền văn hóa hòa bình cho nhân loại; là di sản thời đại vô giá của Người về hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển giữa các dân tộc.

3. Quan điểm HCM về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

a) Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

- Nói đi đôi với làm, là nét đẹp trong đạo đức truyền thống của dân tộc được Hồ Chí Minh nâng lên một tầm cao mới, Người coi đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới.
- Hồ Chí Minh là tấm gương trong sáng tuyệt vời về lời nói đi đôi với việc làm. Ngay sau thắng lợi Cách mạng Tháng Tám 1945, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những biểu hiện của thói đạo đức giả ở một số cán bộ, “vác mặt làm quan cách mạng”, nói mà không làm. Sau này, Người đã nhiều lần bàn đến việc tẩy sạch căn bệnh quan liêu, coi thường quần chúng của một số cán bộ, đảng viên **“Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối “quan” chủ. Miệng thì nói “phụng sự quần chúng”, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng, trái ngược với phương châm, chính sách của Đảng và Chính phủ”**, làm tổn hại đến uy tín của Đảng và Chính phủ trước nhân dân.
- Nêu gương về đạo đức là một nét đẹp của truyền thống văn hóa phương Đông. Sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong lời nói và việc làm không chỉ là cách thức để giáo dục đạo đức cho quần chúng, mà còn là một phương pháp để tự giáo dục bản thân mình. Hồ Chí Minh đã viết: **“Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”**.
- Đối với cán bộ, đảng viên, Người nêu luận điểm quan trọng: **“Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”**.

- Người nói: ***“Lấy gương “người tốt, việc tốt” để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”***. Muốn làm được như vậy, phải chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình “người tốt, việc tốt” rất gần gũi trong đời thường, trong các lĩnh vực lao động, sản xuất, chiến đấu, học tập...
- ⇒ Như vậy, một nền đạo đức mới chỉ được xây dựng trên một cái nền rộng lớn, vững chắc, khi những chuẩn mực đạo đức trở thành hành vi đạo đức hằng ngày của mỗi người và của toàn xã hội.

b) Xây đi đôi với chống

Xây tức là xây dựng các giá trị, các chuẩn mực về đạo đức mới; chống là chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức. Để xây dựng một nền đạo đức mới, cần phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, lấy xây làm chính.

Hồ Chí Minh cho rằng, trên con đường đi tới tiến bộ và cách mạng, đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng thành công trên cơ sở kiên trì mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, chống những thói quen và tập tục lạc hậu, phải loại trừ chủ nghĩa cá nhân. Đây thực sự là “một cuộc chiến đấu khốc liệt” giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa cách mạng và phản cách mạng. Muốn giành được thắng lợi trong cuộc chiến đấu này, điều quan trọng là phải phát hiện sớm, phải tuyên truyền, vận động hình thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sạch về đạo đức; phải chú trọng kết hợp giáo dục đạo đức với tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật, kết hợp nhuần nhuyễn “đức trị”, với “pháp trị”.

c) Tu dưỡng đạo đức xuất đời

Theo Hồ Chí Minh, tu dưỡng đạo đức như một cuộc cách mạng trường kỳ, gian khổ.

Đạo đức cách mạng là đạo đức dân thân, đạo đức trong hành động vì độc lập tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Chỉ có trong hành động, đạo đức cách mạng mới bộc lộ rõ những giá trị của nó. Do vậy, đạo đức cách mạng đòi hỏi mỗi người phải tự giác rèn luyện thông qua các hoạt động thực tiễn, trong công việc, trong các mối quan hệ của mình, phải nhìn thẳng vào mình, không tự lừa dối, huyễn hoặc; phải thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện của mình để phát huy và thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác của mình để khắc phục; phải kiên trì rèn luyện liên tục, tu dưỡng suốt đời, trong đó, thời tuổi trẻ đặc biệt quan trọng. Đạo đức không phải là cái gì đó có tính “nhất thành bất biến”, mà nó được hình thành, phát triển do hoàn cảnh giáo dục, do sự rèn luyện, phấn đấu và tu dưỡng bản thân của mỗi người. Từ thực tiễn, Người tổng kết sâu sắc: ***“Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”***. Từ rất sớm, Người đã lưu ý: ***“Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”***.

Chương 8. Giá trị và vận dụng tư tưởng HCM trong giai đoạn hiện nay

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của dân tộc và thời đại. Người đã tiếp thu, kế thừa những giá trị, tinh hoa văn hóa của loài người, trong đó chủ yếu là chủ nghĩa Mác - Lênin, giải đáp các vấn đề của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.
- Trong suốt chặng đường hơn một nửa thế kỷ, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ dẫn dắt cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Ngày nay, tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng và Nhân dân ta trên con đường thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.
- Trong bối cảnh của tình hình thế giới đang diễn biến ngày càng nhanh, phức tạp và khó lường hiện nay, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp chúng ta nhận thức đúng những vấn đề lớn có liên quan đến việc bảo vệ nền độc lập dân tộc, phát triển xã hội và bảo đảm quyền con người; độc lập dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội vì lợi ích con người.

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của dân tộc Việt Nam

- Giá trị của tư tưởng HCM trước hết là thế giới quan, phương pháp luận xem xét và xử lý các vấn đề thực tiễn. Trung thành với những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng những nguyên lý đó vào thực tiễn, Hồ Chí Minh đã loại bỏ những gì không thích hợp với điều kiện cụ thể của nước ta, đề xuất những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra và giải quyết một cách linh hoạt, khoa học, hiệu quả. Về vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động”.
- Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh ở chỗ đã bao gồm một hệ thống những quan điểm lý luận toàn diện và sâu sắc về chiến lược, sách lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, về sự cải biến cách mạng đối với thế giới, về đạo đức, phong cách, phương pháp Hồ Chí Minh, về việc hiện thực hóa các tư tưởng ấy trong đời sống xã hội...
- Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh là sự định hướng cho sự phát triển của dân tộc. Dựa trên các quá trình có tính quy luật của thời đại, Hồ Chí Minh đã xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Đó là con đường “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, là mục tiêu “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh”; phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người
- Tư tưởng Hồ Chí Minh thấm sâu vào quần chúng nhân dân, chiếm lĩnh trái tim, khối óc, trở thành hành động cách mạng của hàng triệu, hàng triệu con người; là sức mạnh tinh thần to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Giá trị quốc tế của tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng thời đại

b) Tìm ra con đường đấu tranh tự giải phóng cho các dân tộc thuộc địa

c) Cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả giải phóng con người**3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay**

- Là nền tảng tư tưởng của Đảng và cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh cần được nghiên cứu, quán triệt trong hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở các giai đoạn phát triển của cách mạng. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là yêu cầu, nhiệm vụ của tất cả các cấp, các ngành trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước hiện nay.
- Cũng như chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ra đời từ yêu cầu của thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn luôn vận động và phát triển, phải vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, hết sức tránh giáo điều, rập khuôn, máy móc, làm mất đi tính sáng tạo của tư tưởng của Người.
- Trong sự vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, phải tuân theo thế giới quan, phương pháp luận khoa học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; tuyệt đối trung thành với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đề phòng những tư tưởng cơ hội, xét lại, thực chất là phản bội lại chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

-----**HẾT**-----
PMC